TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Thức
2. Bà Trần Thị Kim Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phùng Thị T, sinh năm 1981
2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Bình Đ, sinh năm 1978

Cùng trú tại: Phường HTĐ, quận CL, thành phố Đà Nẵng.

(Bà T có mặt tại phiên tòa, ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phùng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Bình Đ kết hôn tháng 3 năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HTĐ, quận CL, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ 26 (tổ 09A cũ), phường HTĐ, quận CL, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, ông Đ không lo làm ăn, ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần bắt bà phải trả nợ, ông Đ sống thiếu trách nhiệm với vợ con, bỏ nhà đi qua đêm, nhiều lần bà khuyên nhủ nhưng ông Đ không nghe, bỏ ngoài tai. Vì vậy, bà T cho rằng tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Bình Đ.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông Nguyễn Bình Đ có 01 con chung tên là Nguyễn Bình Việt H, sinh ngày 11/01/2007. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn: Ông Nguyễn Bình Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản tự khai và cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký tòa án, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án viết bản khai và tham gia hòa giải.

+Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia phiên tòa.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị T, xử cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Bình Đ.

+ Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Bình Việt H, sinh ngày 11/01/2007 cho bà T nuôi dưỡng, do bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa bà Phùng Thị T và ông Nguyễn Bình Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo đối với người vắng mặt(ông Đ) tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng theo điều 180 của của Bộ luật tố tụng dân sự để ông Đ biết và thực hiện quyền tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn ông Đ vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ

mới và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai(thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng) nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị T và ông Nguyễn Bình Đ kết hôn vào tháng 3 năm 2006 tại UBND phường HTĐ, quận CL, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do có mâu thuẫn không tự giải quyết được nên bà T làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Đ; ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện để bà T và ông Đ đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng ông Đ không đến Tòa án để trình bày ý kiến, đề đạt nguyện vọng của mình.Tại phiên tòa, bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bà và ông Đ bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, ông Đ không lo làm ăn, ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần bắt bà phải trả nợ thay, ông Đ sống thiếu trách nhiệm với vợ con, bỏ nhà đi qua đêm, nhiều lần bà khuyên nhủ nhưng ông Đ không nghe, bỏ ngoài tai, vì vậy, tình cảm giữa bà và ông Đ không còn nên bà kiên quyết ly hôn. Qua xác minh tại địa phương thì thấy vợ chồng bà T ông Đ hay mâu thuẫn, xúc phạm lẫn nhau, nguyên nhân là do ông Đ thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn và hiện nay hai vợ chồng không còn sống chung với nhau, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ là trầm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông Đ có 01 con chung tên là Nguyễn Bình Việt H, sinh ngày 11/01/2007. Ly hôn, bà T có nguyện vọng nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu H là con gái hiện nay đang ở với mẹ, bản thân cháu có bản khai xin được ở với mẹ, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nên cần thiết giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Đối với ông Nguyễn Bình Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên quyền được nuôi con không có cơ sở để xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0272 ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Phùng Thị T về việc yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Bình Đ, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phùng Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Bình Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Bình Việt H, sinh ngày 11/01/2007 cho bà Phùng Thị T nuôi dưỡng, ông Nguyễn Bình Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà bà Phùng Thị T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0272 ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường HTĐ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Lê Đức Thọ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết Nhung về việc yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn Trữ, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Tuyết Nhung được ly hôn với ông Nguyễn Văn Trữ.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Thị Bích Hằng, sinh ngày 21/9/2015 cho bà Lê Thị Tuyết Nhung nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Xuân Vinh, sinh ngày 04/10/2009 cho ông Nguyễn Văn Trữ nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Tuyết Nhung phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0276 ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà Nhung đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường Hòa An;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đức Thọ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường Khuê Trung;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đức Thọ

ông Tranh không đồng ý ly hôn nhưng Giữa Nữa cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Tranh không chăm lo cuộc sống cho gia đình, vợ chồng luôn cãi vã với nhau, cuộc sống gia đình ngày càng tồi tệ hơn khi ông Tranh thường kiếm chuyện và đánh đập mẹ con bà; ông Tranh hạ nhục đánh đuổi bà và có khi ép bà phải viết đơn ly hôn nhưng bà cố gắng chịu đựng để gia đình yên ấm. Bà không được tự do vì ông Tranh cấm đoán bà mọi điều. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có khi lời qua tiếng lại, cãi vã, có những lúc nóng giận ông Tranh có xúc phạm vợ con và gia đình bên vợ. Ông Tranh không đồng ý ly hôn vì muốn các con được sống chung trong một nhà, đầy đủ tình cảm của cha mẹ.

Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo sự ổn định và đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ là đúng quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- THADS quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Lê Đức Thọ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.